

## Xuất khẩu nông sản VN sau 5 năm gia nhập WTO Thuận lợi & thách thức

**TS. NGUYỄN NGỌC VINH**

Trường Đại học  
Kinh tế TP. HCM

**X**uất khẩu nông sản nước ta sau 5 năm gia nhập WTO đã có những thuận lợi như nông sản hàng hóa xuất khẩu tăng nhanh về số lượng lẫn về giá trị, có mức độ tăng trưởng ổn định và lĩnh vực duy nhất mang lại giá trị thặng dư trong hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta. Song hành cùng thuận lợi thì xuất khẩu nông sản đã và đang đối mặt với các thách thức lớn như sản xuất manh mún, chủ yếu xuất thô, sản phẩm có tính cạnh tranh thấp, hàm lượng khoa học công nghệ rất khiêm tốn và chắt vật vượt qua hàng rào kỹ thuật của các nước phát triển... Từ cơ sở phân tích, tác giả gợi ý một số chính sách nhằm tạo ra động lực phát triển mới để vượt qua các thách thức và duy trì tăng trưởng ổn định các chỉ tiêu xuất khẩu nông sản.

**Từ khóa:** Nông sản, thuận lợi, thách thức, xuất khẩu, WTO.

**A**fter five years of WTO membership Vietnam's agricultural export has reaped advantages including rapid and stable growth in quantity and in value, and trade surplus in the economy of Vietnam. However, the sector is also facing great challenges such as: production fragmentation, mainly raw products, low competitiveness, less value-added, and hard to overcome technical barriers of developing countries... Based on the analysis, the author presents policy implications to create new development motivations to surpass these challenges and stabilize growth targets for agricultural exports.

**Keywords:** Agricultural exports, advantages, challenges, WTO.

### 1. Đặt vấn đề

Ngày 11/1/2007 VN chính thức là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO (World Trade Organization), kết thúc quá trình 11 năm kiên trì đàm phán (1995 -2006) cùng với các nỗ lực cải cách mạnh mẽ trong nước nhằm đáp ứng các yêu cầu gia nhập của tổ chức này. Việc gia nhập WTO đã mang đến cơ hội lớn cho nông nghiệp nước ta trong việc thâm nhập thị trường quốc tế rộng lớn, mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản hàng hóa, nhưng đồng thời cũng xuất hiện những thách thức không nhỏ vì cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, và cần phải

vượt qua rào cản kỹ thuật nhằm thâm nhập sâu hơn vào thị trường của các nước phát triển vẫn là bài toán chưa có lời giải thỏa đáng.

Phân tích tổng kết thực trạng việc xuất khẩu nông sản chủ lực của nước ta trước và sau gia nhập WTO nhằm nhận diện đầy đủ các thuận lợi và những thách thức đã và đang đối mặt nhằm gợi mở những chính sách, hướng tới việc khai thác thị trường xuất khẩu nông sản hiệu quả hơn, có sức cạnh tranh cao hơn.

### 2. Những thuận lợi trong việc xuất khẩu nông sản hàng hóa của nước ta

Mặt dù tình hình khủng hoảng

tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đang tác động sâu rộng lên tất cả các nền kinh tế trên thế giới và tình hình kinh tế vĩ mô của nước ta chưa ổn định, nhưng giá trị xuất khẩu nông sản nước ta trong các năm qua đã tăng cả về số lượng lẫn về giá trị, là ngành duy nhất mang lại giá trị thặng dư cho cán cân thương mại nước nhà trong suốt thập niên qua, thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng, danh mục các mặt hàng nông sản tham gia xuất khẩu tăng đáng kể theo thời gian. Không những giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản truyền thống như gạo, cao su, hạt điều, thủy sản, cà phê, gỗ và các sản

phẩm gỗ đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ trước và sau khi gia nhập WTO, mà còn có các nông sản khác như hạt tiêu, chè, hàng rau quả, sữa, quế, lạc nhân cũng tích cực tham gia xuất khẩu, đặc biệt trong số đó có sự tham gia của một số mặt hàng nông sản đã qua chế biến như sắn và các sản phẩm từ sắn, sản phẩm từ cao su, hàng mây tre cói thảm, sản phẩm sữa góp phần tăng thêm giá trị gia tăng của hàng hóa nâng cao giá trị xuất khẩu.

Theo nghiên cứu của tác giả những thuận lợi trong việc xuất khẩu nông sản nước ta sau khi gia nhập WTO được thể hiện qua các điểm sáng như sau:

### 2.1. Tăng số lượng mặt hàng nông sản xuất khẩu

Từ 12 mặt hàng nông sản xuất khẩu truyền thống là thủy sản, hạt điều, cà phê, gạo, cao su, đồ gỗ, lạc nhân, chè, hạt tiêu, mây tre cói thảm, rau quả và mì ăn liền, sau khi nước ta gia nhập WTO cho đến nay đã có thêm 6 mặt hàng nông sản tham gia xuất khẩu góp phần tăng thêm đáng kể cho giá trị xuất khẩu là cao su, sắn và sản phẩm từ sắn,



đường, sữa và sản phẩm từ sữa, quế, giấy và sản phẩm từ giấy.

### 2.2. Tăng nhanh về giá trị xuất khẩu nông sản

Việc gia nhập WTO đã mở ra cho nền kinh tế nước ta cơ hội thâm nhập vào thị trường rộng lớn, nhờ sự hỗ trợ tích cực từ cơ quan quản lý các doanh nghiệp nước ta đã tích cực tận dụng cơ hội, nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu nông sản một cách nhanh chóng. Năm 2004 chúng ta chỉ có 2 nông sản trong số 6 mặt hàng xuất khẩu chủ lực có giá trị đạt trên 1 tỷ USD là thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, một năm sau gia nhập WTO (2007) đã tăng

lên 5 trong số 9 mặt hàng xuất khẩu chủ lực và năm 2011 vừa qua có đến 6 loại nông sản trong số 23 mặt hàng xuất khẩu có giá trị trên 1 tỷ USD.

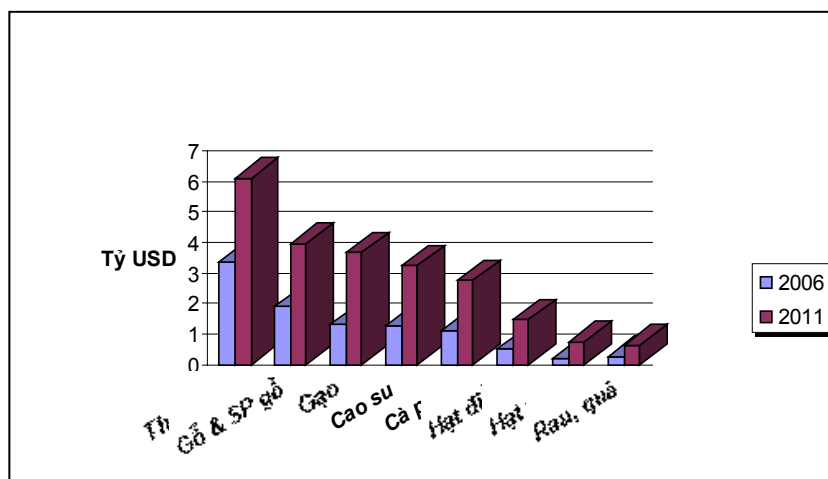
Trong năm 2011 chỉ riêng 10 mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực như thủy sản, hạt điều, cà phê, gạo, cao su, gỗ & sản phẩm gỗ, hạt tiêu, sắn & sản phẩm từ sắn, rau quả và sản phẩm từ cao su đã mang lại trên 23,8 tỷ USD giá trị xuất khẩu, chiếm 95% tổng giá trị giá trị nông sản xuất khẩu hay chiếm 24,7% (23,8/96,3) tổng giá trị xuất khẩu cả nước, thành quả này rất đáng trân trọng dành

**Bảng 1. Danh sách 10 nông sản xuất khẩu chủ lực của nước ta từ năm 2004 – 6/2012**  
Đơn vị tính: tỷ USD

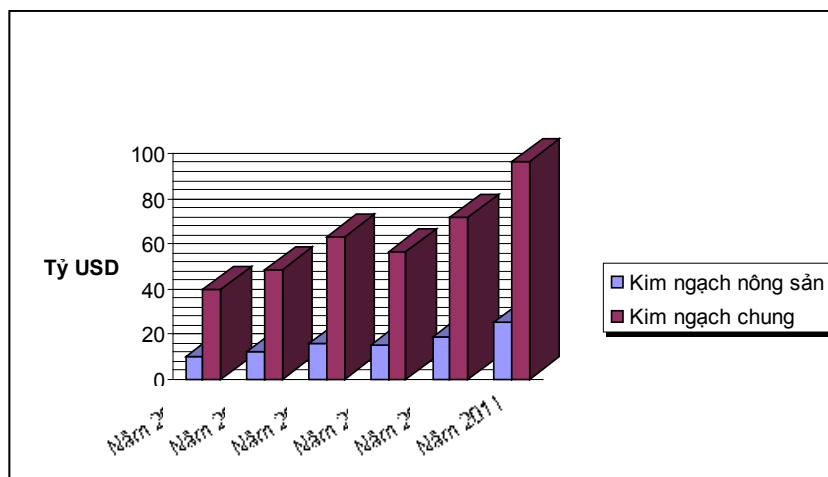
| Nội dung      | 2004 | 2005 | 2006  | 2007  | 2008  | 2009  | 2010  | 2011  | 6/2012 |
|---------------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|
| Thủy sản      | 2,4  | 2,74 | 3,36  | 3,76  | 4,51  | 4,25  | 5,01  | 6,11  | 2,86   |
| Gỗ & SP gỗ    | 1,05 | 1,51 | 1,90  | 2,40  | 2,83  | 2,59  | 3,43  | 3,95  | 2,19   |
| Gạo           | 0,94 | 1,40 | 1,30  | 1,49  | 2,89  | 2,66  | 3,24  | 3,65  | 1,75   |
| Cao su        | 0,58 | 0,78 | 1,27  | 1,39  | 1,60  | 1,20  | 2,38  | 3,23  | 1,20   |
| Cà phê        | 0,59 | 0,72 | 1,10  | 1,91  | 2,11  | 1,73  | 1,85  | 2,75  | 2,20   |
| Hạt điều      | 0,42 | 0,48 | 0,50  | 0,65  | 0,91  | 0,85  | 1,13  | 1,47  | 0,68   |
| Sắn & SP      | -    | -    | -     | -     | -     | 0,57  | 0,56  | 0,96  | 0,80   |
| Hạt tiêu      | 0,15 | 0,15 | 0,19  | 0,27  | 0,31  | 0,35  | 0,42  | 0,74  | 0,47   |
| Rau, quả      | 0,16 | 0,23 | 0,26  | 0,30  | 0,40  | 0,44  | 0,45  | 0,62  | 0,36   |
| SP từ cao su  | -    | -    | -     | -     | -     | 0,17  | 0,29  | 0,39  | 0,16   |
| Chè           | 0,09 | 0,10 | 0,11  | 0,13  | 0,14  | 0,18  | 0,20  | 0,20  | 0,091  |
| Mây, tre, cói | -    | 0,18 | 0,19  | 0,22  | 0,22  | 0,17  | 0,20  | 0,20  | 0,10   |
| Tổng          | -    | -    | 10,50 | 12,60 | 16,07 | 15,34 | 19,15 | 25,10 | -      |

Nguồn: Tổng hợp từ [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) và [www.argoviet.gov.vn](http://www.argoviet.gov.vn), 8/2012

**Hình 1. Giá trị của một số nông sản xuất khẩu chủ lực nước ta từ 2006 – 2011**



**Hình 2. Tăng trưởng tổng giá trị nông sản xuất khẩu và giá trị xuất khẩu chung**



cho nông nghiệp nước nhà.

Thống kê từ năm 2006 – 2011 về tốc độ tăng giá trị trong số 10 nông sản có giá trị xuất khẩu cao nhất, tăng nhanh nhất là hạt tiêu là 3,9 lần, hạt điều tăng 2,9 lần, gạo tăng 2,8 lần, cao su và cà phê tăng 2,5 lần, rau quả tăng 2,4 lần và thấp nhất là thủy sản cũng tăng thêm 1,8 lần. Kết quả

trên thể hiện sự chủ động và tích cực trong việc mở rộng và thâm nhập thị trường quốc tế của các doanh nghiệp nước ta, nhằm khai thác các mặt tích cực của việc gia nhập WTO.

Đặc biệt, mặt hàng sắn và các sản phẩm từ sắn có sự gia tăng giá trị xuất khẩu rất nhanh, cụ thể trong năm 2009 có giá trị xuất

khẩu là 574 triệu USD thì năm 2011 tăng lên 960 triệu USD, và 6 tháng đầu năm 2012 đã mang về 808 triệu USD. Điều này có cơ sở để chúng ta có thể kỳ vọng rằng mặt hàng nông sản này sẽ sớm gia nhập “câu lạc bộ” xuất khẩu trên 1 tỷ USD trong tương lai gần.

### 2.3. Tăng trưởng giá trị nông sản xuất khẩu ổn định

Nếu so sánh giữa tổng giá trị xuất khẩu nông sản và tổng giá trị xuất khẩu chung thì tỷ trọng của giá trị xuất khẩu nông sản nước ta trong 5 năm sau khi gia nhập WTO chiếm tỷ lệ ổn định cao, dao động từ 26% đến 27%.

Mặc dù trong năm 2009 giá trị xuất khẩu nông sản có giảm so với 2008, và tăng mạnh vào năm 2010, 2011, nhưng quan sát tổng thể trong 5 năm từ năm 2006 – 2011 là tăng lên 2,4 lần tương đương với sự tăng trưởng của tổng giá trị xuất khẩu chung cũng là 2,4.

Mặc dù liên tục trong các năm qua xét trên tổng thể cán cân thương mại cả nước luôn trong tình trạng nhập siêu cụ thể năm 2006 là 5,5 tỷ USD cho đến năm 2011 là 9,8 tỷ USD, nhưng đối với nông sản xuất khẩu thì ngược lại luôn xuất siêu với giá trị năm sau tăng cao hơn năm trước cụ thể năm 2006 là 3,2 tỷ USD và năm 2011 là 9,2 tỷ USD. Lý giải điều này như sau: Việc gia nhập WTO đã giúp cho các doanh nghiệp trong nước phát huy tối

**Bảng 2. Tỷ trọng của giá trị nông sản xuất khẩu trên tổng giá trị xuất khẩu chung**

| Nội dung                            | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 |
|-------------------------------------|------|------|------|------|------|------|
| Tổng giá trị nông sản XK – (tỷ USD) | 10,5 | 12,6 | 16,1 | 15,3 | 19,1 | 25,1 |
| Tổng giá trị XK chung – (tỷ USD)    | 39,6 | 48,6 | 62,9 | 56,6 | 71,6 | 96,6 |
| Tỷ trọng %                          | 26,5 | 25,9 | 25,6 | 27,0 | 26,7 | 26,0 |

Nguồn: Tổng hợp từ [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) và [www.argoviet.gov.vn](http://www.argoviet.gov.vn), 8/2012

đa việc mở rộng thị trường và khai thác các thế mạnh từ nông sản hàng hóa.

Hình 3 cho thấy rằng sau 1 năm gia nhập WTO giá trị nhập siêu của nền kinh tế tăng lên đáng kể là 14,2 tỷ USD tăng 2,58 lần và năm 2008 lên đến 18 tỷ USD, trong khi sự ổn định của tăng trưởng xuất siêu của lĩnh vực nông nghiệp khá ổn định, đây chính là điểm sáng mà nông nghiệp nước nhà đã và đang mang lại cho nền kinh tế.

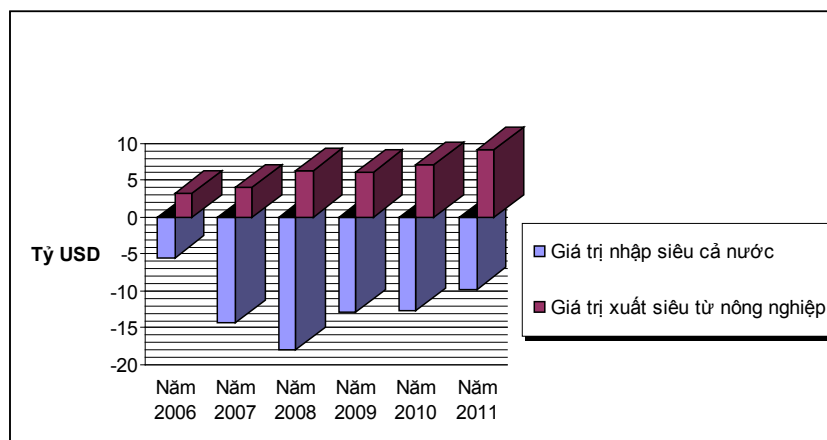
#### 2.4. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng

Trước 2007 hàng hóa nông sản của ta xuất ra khoảng 80 nước, năm 2011 VN xuất khẩu nông sản sang gần 160 nước trên thế giới, danh sách các nước nhập khẩu nông sản VN ngày càng mở rộng từ Bắc Mỹ, châu Âu, Đông Bắc Á, châu Úc sang Nam Mỹ, châu Phi và Tây Á. Nhiều nhất trong số đó là Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Thụy Sĩ, Úc, Singapore, Hà Lan, Vương quốc Anh và cộng đồng ASEAN...

Một trong những thành công lớn nhất của nông nghiệp nước ta sau khi gia nhập WTO là mở rộng thị trường, ngoài các thị trường “khó tính” như Mỹ, EU, Nhật nhiều mặt hàng nông sản đã thâm nhập ngày càng nhiều vào châu Phi, Nam Á và Nam Mỹ, đây là kết quả đáng ghi nhận về các nỗ lực xuất khẩu của các doanh nghiệp nước ta.

Tóm lại là xuất khẩu nông sản VN đã có những bước tiến quan trọng sau khi gia nhập WTO, từ việc các nước phát triển xóa bỏ hạn ngạch nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của ta, hạ tầng cơ sở về luật pháp trong nước liên quan đến thương mại

Hình 3. Giá trị nhập siêu cả nước và xuất siêu của nông nghiệp năm 2006 – 2011



Nguồn: Tổng hợp từ [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn), [www.argoviet.gov.vn](http://www.argoviet.gov.vn), [www.thuongmai.vn](http://www.thuongmai.vn), 2012

Bảng 3: Các nước nhập khẩu nông sản hàng hóa VN nhiều nhất theo thứ tự

| TT | Quốc gia   | TT | Quốc gia  | TT | Quốc gia    | TT | Quốc gia  |
|----|------------|----|-----------|----|-------------|----|-----------|
| 1  | Mỹ         | 4  | Thụy Sĩ   | 7  | Malaysia    | 10 | Anh       |
| 2  | Nhật       | 5  | Úc        | 8  | Philippines | 11 | Thái Lan  |
| 3  | Trung Quốc | 6  | Singapore | 9  | Hà Lan      | 12 | Campuchia |

Nguồn: Tổng hợp từ [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) và [www.argoviet.gov.vn](http://www.argoviet.gov.vn)

đã được điều chỉnh tiệm cận với thông lệ quốc tế, đến việc mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng nhanh số lượng lần về giá trị xuất khẩu góp phần hạn chế thâm hụt cán cân ngân sách, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên canh và hiệu quả hơn.

### 3. Và những thách thức

Việc gia nhập WTO của nước ta tạo điều kiện cho việc xuất khẩu nông sản đạt được nhiều thành tựu, nhưng cũng đang đối mặt với những thách thức lớn như sức cạnh tranh kém, vấn đề trợ giá của các nước giàu, chặt vật vượt qua các hàng rào kỹ thuật, và vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp hạn hẹp... Các vấn đề trên đều có mối liên quan lẫn nhau và sẽ làm giới hạn tiềm năng xuất khẩu của nông nghiệp nước ta trước mắt và trong dài hạn.

#### 3.1. Sức cạnh tranh kém

Cạnh tranh trên thị trường quốc tế ngày càng khốc liệt, điều đáng quan ngại là theo đánh giá của nhiều chuyên gia thì nông sản hàng hóa của ta có sức cạnh tranh kém (Phuong, 2012). Theo quan điểm của tác giả nguyên nhân tạo ra sức cạnh tranh kém bao gồm xuất thô, sản xuất manh mún và hàm lượng khoa học công nghệ thấp, cả 3 yếu tố này có mối quan hệ mật thiết với nhau.

#### 3.2. Xuất thô nông sản

Xuất thô là nguyên nhân chính làm cho nông sản hàng hóa nước ta có sức cạnh tranh kém, xét về cơ cấu nông sản hàng hóa xuất khẩu tập trung chủ yếu là các hàng hóa sơ chế như gạo, cao su, cà phê, thủy sản, hạt điều, tiêu... Vì thế hàng hóa VN chưa được người tiêu dùng chú trọng, trong khi việc chuyển từ xuất thô hay

sơ chế sang sản phẩm chế biến cần có các chương trình cụ thể nhằm gia tăng hàm lượng chất xám trong chuỗi giá trị hàng hóa của nông sản và đặc biệt là từng bước xây dựng thương hiệu hàng hóa nông sản VN là điều cần được sớm được triển khai.

### 3.3. Sản xuất manh mún

Hơn 13 triệu nông hộ canh tác trên 75 triệu mảnh đất nông nghiệp với tổng diện tích là 8,4 triệu hecta đất, chúng ta mới thấy tính manh mún trong sản xuất nông nghiệp của nước ta đáng quan tâm thế nào. Với quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, năng suất thấp làm cho chi phí sản xuất tăng, chất lượng sản phẩm không đồng nhất, số lượng nông sản thu gom bị hạn chế, đây chính là nguyên nhân gây ra sức cạnh tranh kém trên thương trường.

### 3.4. Hàm lượng khoa học công nghệ thấp.

Do việc đầu tư cho công nghệ thu hoạch, chế biến, bảo quản còn rất hạn chế, dẫn đến tỷ lệ mất mát, hư hỏng cao, hàng hóa không đồng nhất quy cách lẫn về chất lượng... làm cho tính cạnh tranh của nông sản hàng kém.

### 3.5. Trợ giá nông sản

Một thách thức không nhỏ từ các nước phát triển như Trung Quốc, Mỹ, Nhật, EU... những thị trường xuất khẩu nông sản lớn của ta, đã chi ra hàng trăm tỷ USD hàng năm nhằm trợ giá nông sản trong nước, cụ thể từ năm 2008 – 2010 Chính phủ Trung Quốc đã chi bình quân 49 tỷ USD mỗi năm để trợ cấp cho nông nghiệp, trong năm 2010 Mỹ đã chi 25,5 tỷ USD tiền trợ cấp nông nghiệp, còn EU là 101 tỷ USD. Việc trợ giá nông sản của các nước trên đã và đang “bóp méo” giá thành

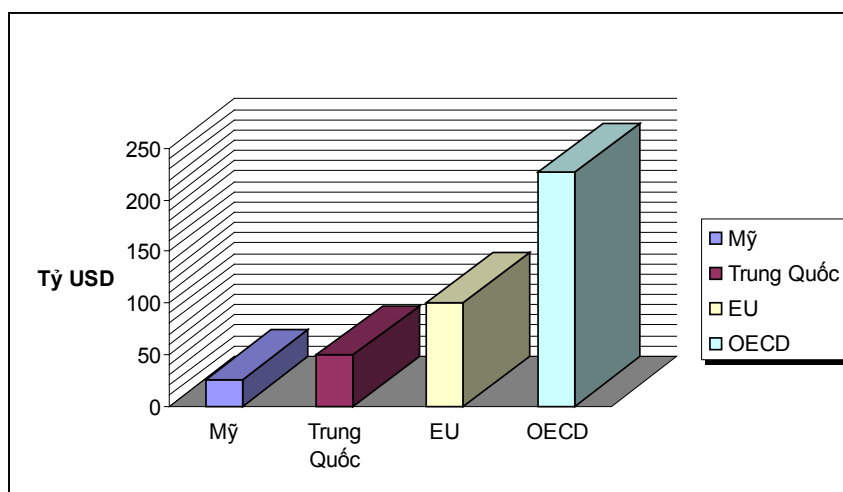
sản xuất nông sản nội địa và là rào cản mạnh mẽ đối với nông sản nhập khẩu các nước trong đó có VN.

### 3.6. Hàng rào kỹ thuật

Quy định của WTO là các quốc gia thành viên cần giảm dần hàng rào thuế quan khi nhập khẩu nông sản, nhưng họ có thể xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực

sản bị từ chối nhập khẩu cao nhất vì có dư lượng thuốc kháng sinh cao, Nhật cũng từng có cảnh báo gạo nhập khẩu từ VN có chứa chất acetamiprid... Hàng rào kỹ thuật đã, đang và sẽ là thách thức lớn cho xuất khẩu nông sản nước nhà muốn vượt qua thì chúng ta không có sự lựa chọn khác ngoài việc thay đổi mô hình canh tác theo hướng tập trung và tăng

Hình 4. Mức trợ giá của một số nước trong năm 2010



Nguồn: Tổng hợp từ [www.argoviet.gov.vn](http://www.argoviet.gov.vn) và [www.moit.gov.vn](http://www.moit.gov.vn), 2012

phẩm gọi chung là hàng rào kỹ thuật riêng cho mình. Đối với sản xuất nông nghiệp nước ta đây là thách thức lớn không những cho các mặt hàng xuất khẩu truyền thống như thủy sản, gạo, cao su, hạt điều... mà còn cho việc mở rộng xuất khẩu các mặt hàng mới như rau quả, sản phẩm thịt, sữa và trái cây... vì đòi hỏi phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh, thực phẩm của các nước nhập khẩu, trong khi sản xuất của ta vẫn còn tính manh mún, hàm lượng khoa học công nghệ thấp như đã đề cập phần trên. Điển hình đối với EU thì VN là một trong các nước có tỷ lệ nông

cường đầu tư cho khoa học công nghệ ngày càng cao hơn và hiệu quả hơn

### 3.7. Đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nguồn vốn đầu tư vào nông nghiệp từ ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ từ năm 2006 – 2011 là 432.788 tỷ đồng nhưng chủ yếu tập trung vào công tác thủy lợi và hạ tầng nông thôn chiếm 65%, đầu tư cho nông – lâm – ngư chỉ chiếm 35% còn lại. Và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào nông nghiệp thì rất khiêm tốn chỉ chiếm 1,63% trên tổng vốn đầu



tư. Tổng vốn ODA đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn chiếm 14,25% trên tổng vốn. Đặc biệt nguồn vốn đầu tư cho khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta còn rất thấp so với các nước trong khu vực, tính bình quân khoảng 5 USD/người (2009) so với 20 USD của Trung Quốc (2004) và 1000 USD/người của Hàn Quốc (2007) (mpi.gov.vn). Việc khiêm tốn đầu tư cho nông nghiệp sẽ làm giảm động lực phát triển sản xuất ra các nông sản hàng hóa từ tính đa dạng đến nâng cao chất lượng nhằm tăng ưu thế trong môi trường thương mại có mức cạnh tranh ngày càng cao.

## 4. Gợi ý chính sách

Từ các vấn đề thuận và nghịch như đã phân tích, nhằm tạo động lực mới để vượt qua các thách thức đã và đang đối mặt với xuất khẩu nông sản nước ta sau khi gia nhập WTO, hướng tới nông sản hàng hóa xuất khẩu có tính cạnh tranh cao hơn, duy trì giá trị xuất khẩu tăng trưởng ổn định, tác giả đề xuất các cơ quan quản lý cần xem xét các chính sách sau:

- Nhằm cải thiện sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu thì cơ quan quản lý cần nghiên cứu và triển khai các chương trình

khuyến khích đầu tư gia tăng khâu chế biến nông sản hàng hóa dựa trên các nguyên tắc: đa dạng, chất lượng, cạnh tranh đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Đặc biệt, nghiên cứu vận dụng trên các nông sản mà nước ta có thế mạnh sản xuất như thủy sản, gạo, cao su, cà phê, hạt điều, đồ gỗ, sản phẩm từ sắn. Thông qua các công cụ như quy hoạch phân vùng, giao đất, và hỗ trợ tín dụng, giảm thuế trong giai đoạn đầu để khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước tích cực tham gia chế biến xuất khẩu ngày một mạnh hơn và chất lượng hơn.

- Sớm điều chỉnh Luật đất đai theo hướng xóa bỏ hạn điền, khuyến khích quá trình tích lũy đất nông nghiệp tạo điều kiện chuyển sang sản xuất chuyên canh, dựa vào lợi thế quy mô để có thể vận dụng tối đa khoa học công nghệ vào trong quy trình sản xuất, nhằm tạo ra các nông sản có chất lượng cao hơn, đồng nhất hơn, số lượng nhiều hơn, giá cả cạnh tranh hơn.

- Cần có chương trình đầu tư mạnh mẽ cho khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ sinh học bao gồm 3 mũi nhọn là công nghệ sinh học phân tử, công nghệ tái

tổ hợp gen và kỹ thuật nuôi cấy mô, nhằm tạo ra các nông sản mới có năng suất cao hơn, kháng bệnh tốt hơn, phù hợp với điều kiện sản xuất và đặc biệt thân thiện hơn với môi trường. Đây chính là cơ sở cho việc phát triển bền vững nền nông nghiệp nước nhà và là đòn bẩy để nông sản nước ta có thể cạnh tranh mạnh mẽ hơn trên thị trường thế giới.

- Tích cực đầu tư cho nguồn nhân lực trong sản xuất nông nghiệp, nhằm có nhiều hơn những nhà quản lý giỏi, có trình độ chuyên môn cao, dẫn đầu trong việc chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng, dám nghĩ dám làm và đi đầu trong việc tiếp cận khoa học công nghệ, kỹ năng, tri thức sản xuất đây chính là vấn đề cốt lõi của mọi sự phát triển ●

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê Quốc Phương (2012), “5 năm gia nhập WTO: Được và mất”, Tạp chí *Kinh tế và dự báo* số 2/2012

[http://www.thuongmai.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=98393:viet-nam-can-bang-can-can-thuong-mai-vao-2020&catid=153&Itemid=541](http://www.thuongmai.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=98393:viet-nam-can-bang-can-can-thuong-mai-vao-2020&catid=153&Itemid=541); cập nhật ngày 23/9/2012

[www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn); [www.argoviet.gov.vn](http://www.argoviet.gov.vn); [www.moit.gov.vn](http://www.moit.gov.vn); [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn)